TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Luân.

Bà Lý Ngọc Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Thường trú: Tổ C, Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên hệ: 2 Bis Đ, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Khánh T1, sinh năm 1990 (xin vắng mặt);

Quốc tịch: Việt Nam;

Thường trú: 2 Bis Đ, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ hiện tại: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, bản tự khai ngày 11/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:

Năm 2012, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Khánh T1, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2012 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, sau thời gian dài chung sống, anh nhận thấy đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, xuất hiện nhiều bất đồng trong tính cách, lối sống. Dù được hai bên gia đình, bạn bè tâm sự, giúp đỡ tìm cách giải quyết nhưng mâu thuẫn giữa anh với chị Nguyễn Thị Khánh T1 vẫn không thể hòa giải được, hiện anh và chị T1 đã sống ly thân, không còn tình cảm với nhau. Hiện nay, anh đang

sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh; còn chị T1 đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Rõ ràng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Anh đã liên hệ với chị T1 ở Nhật Bản, chị T1 cũng đồng ý ly hôn nhưng vì bận công việc không có điều kiện về nước nên xin phép được vắng mặt.

Nay anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị Khánh T1 được ly hôn với nhau.

Về con chung: sau khi kết hôn, anh và chị T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 27/5/2013. Anh và chị T1 thỏa thuận với nhau con sẽ do chị Nguyễn Thị Khánh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị T1 sẽ thu xếp công việc để làm thủ tục cho cháu sang Nhật Bản sinh sống sau khi hoàn thành thủ tục ly hôn. Anh đồng ý để cháu Tâm N cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, anh có quyền thăm nuôi cháu và chị T1 không có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh và chị T1 sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn trình bày ngày 19/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Khánh T1 trình bày:

Năm 2012, chị kết hôn với anh Nguyễn Chí T, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2012 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, sau thời gian dài chung sống, chị nhận thấy đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, xuất hiện nhiều bất đồng trong tính cách, lối sống. Dù được hai bên gia đình, bạn bè tâm sự, giúp đỡ tìm cách giải quyết nhưng mâu thuẫn giữa chị với anh Nguyễn Chí T vẫn không thể hòa giải được, hiện chị và anh T đã sống ly thân, không còn tình cảm với nhau. Hiện nay, chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản; còn anh T đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Rõ ràng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được.

Nay anh T đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết cho chị và anh T ly hôn với nhau, chị cũng đồng ý.

Về con chung: sau khi kết hôn, chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 27/05/2013. Hiện cháu Tâm N do ông bà ngoại chăm sóc, chị và anh T thỏa thuận với nhau con sẽ do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ thu xếp công việc để làm thủ tục cho cháu sang Nhật Bản sinh sống sau khi hoàn thành thủ tục ly hôn. Anh T được quyền thăm nuôi cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị và anh T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Chí Tân khởi kiện yêu cầu được ly hôn, thỏa thuận nuôi con với chị Nguyễn Thị Khánh T1 nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Chí T đang cư trú tại Tổ C, Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chị Nguyễn Thị Khánh T1 đang cư trú tại Nhật Bản; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Khánh T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Khánh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012 (theo Trích lục kết hôn số 607/TLKH-BS ngày 26/10/2021) nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh T và chị T1, nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 đã tồn tại trong một thời gian dài, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong tính cách, lối sống, việc giải quyết mâu thuẫn không có kết quả dù đã được hai bên gia đình, bạn bè tâm sự, giúp đỡ; thêm vào đó, anh chị đang sống ly thân với nhau, anh Tân sống và làm việc tại Việt Nam, chị T1 sống và làm việc tại Nhật Bản, khoảng cách địa lý khiến cho việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng gặp nhiều khó khăn. Anh T và chị T1 đều cho rằng hai bên không còn tình cảm với nhau, việc anh T cương quyết xin ly hôn, chị T1 cũng đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống, anh T và chị T1 thống nhất anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Tâm N, sinh ngày 27/5/2013; ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu N cho chị T1 nuôi dưỡng. Nhận thấy, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện; anh T và chị T1 đều có đủ điều kiện về mặt vật chất và tinh thần để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; thêm vào đó, cháu N cũng có nguyện vọng

được sống chung với mẹ nên cần ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: anh T và chị T1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: anh T và chị T1 thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy anh T và chị T1 thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con phù hợp quy định pháp luật; do đó:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Khánh T1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 27/05/2013 cho chị Nguyễn Thị Khánh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: anh Nguyễn Chí T, chị Nguyễn Thị Khánh T1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí T.

Về quan hệ hôn nhân: công nhận anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Khánh T1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Khánh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Tâm N, sinh ngày 27/05/2013. Giao cháu Tâm N cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Chí T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai số 0000256 ngày 07/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 225.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Khánh T1 phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Chí T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị Khánh T1 cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong